

Bản án số: 94/2020/HSST
Ngày 23 - 9 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Minh Hiếu; Ông Nguyễn Văn Khiển.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đà Giang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 101/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2020/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 9 năm 2020 đối với bị cáo:

Lường Văn L (tên gọi khác: không); sinh ngày 07 tháng 4 năm 1989 tại thành phố S, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản N, xã C, thành phố S, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng phái, đoàn thể: Không; Con ông Lường Văn P, sinh năm 1960 và Quàng Thị E, sinh năm 1961; Vợ là Tòng Thị B, sinh năm 1990 và có 02 người con (con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2015); Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 28/9/2012, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Sơn La xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Ngày 21/8/2018, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xử phạt 24 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 (chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/03/2020). Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/3/2020, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La.

*** Người bị hại:**

- Bạc Thị B, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Bản B, xã B, huyện T, tỉnh Sơn La; có mặt.

- Nguyễn Thị H, sinh năm 1988; Nơi cư trú: Tiểu khu X, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sơn La; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Quảng Văn B, sinh năm 1981; Nơi cư trú: Bản B, xã B, huyện T, tỉnh Sơn La; có mặt.

- Quảng Văn H, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Bản B, xã B, huyện T, tỉnh Sơn La; có mặt.

*** Người làm chứng:**

- Lò Văn S, sinh năm 1990: Nơi cư trú: Bản H, phường T, thành phố S, tỉnh Sơn La; có mặt.

- Phùng Đức N, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Tổ C, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La; có mặt.

- Lò Văn O, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Bản B, xã B, huyện T, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

- Lê Tiến D, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Tổ B, phường Q, thành phố S, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2013, Lương Văn L sinh năm 1989, trú tại Bản N, xã C, thành phố S, tỉnh Sơn La xuống Hà Nội tìm việc làm. Trong thời gian đi làm thuê ở thành phố Hà Nội, với mục đích làm Giấy chứng minh Công an nhân dân giả sử dụng và tạo niềm tin với người khác trong các mối quan hệ. L đã vào 01 Cửa hiệu chụp ảnh ở huyện Gia Lâm (L không nhớ địa chỉ cụ thể) gặp một người đàn ông thuê chụp ảnh chân dung, ghép ảnh của L với áo Công an nhân dân, điền các thông tin như: Lương Ngọc Anh, sinh ngày 7/4/1985, đơn vị công tác Phòng PC45 Công an tỉnh Sơn La, người cấp Quảng Văn Hươi vào một mẫu giấy Chứng minh Công an nhân dân người thợ đó tải trên mạng. Sau khi làm được giấy Chứng minh Công an nhân dân (giả), L về Sơn La. Khoảng tháng 4/2014, L làm quen và nảy sinh tình cảm với chị Bạc Thị B, sinh năm 1987 ở Bản B, xã B, huyện T, tỉnh Sơn La. Khi làm quen với B, L giới thiệu tên là Lương Ngọc Anh công tác tại Công an tỉnh Sơn La và cho chị B xem Giấy chứng minh Công an nhân dân (giả) để chị B tin tưởng.

Cuối tháng 11/2014, Quảng Văn T, sinh năm 1987, trú tại Bản B, xã B, huyện T, tỉnh Sơn La (anh họ của B) bị bắt tạm giữ về hành vi Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ gây chết người tại huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên, do được B giới thiệu trước đó nên Nguyễn Thị H, sinh năm 1988 trú tại Tiểu khu N, thị trấn T, huyện T (là vợ của T) đã đến nhờ B đặt vấn đề với L nhờ người có khả năng để giúp giảm án hoặc cho Toàn được hưởng án treo. Với mục đích chiếm đoạt tài sản, L hứa hẹn với chị H có thể nhờ người lo cho anh T nhưng phải chi phí số tiền 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng). Trong tháng 12/2014, Nguyễn Thị H đã đưa cho L 04 lần với tổng số tiền 60.000.000 đồng, trong đó H nhờ B đưa cho L 02 lần số tiền 30.000.000 đồng; H trực tiếp đưa cho L 02 lần số tiền 30.000.000 đồng. Các lần giao tiền không lập giấy biên nhận,

không có người chứng kiến và không nhớ rõ ngày giao tiền. Số tiền đã nhận, L sử dụng chi tiêu cá nhân. Sau khi biết L không thực hiện đúng thỏa thuận, H nhiều lần gọi điện yêu cầu L trả tiền nhưng L nhất lần không trả. Tháng 3/2015, Lò Thị B đã sử dụng tiền của gia đình trả lại cho chị Nguyễn Thị H 60.000.000 đồng.

Cũng trong thời gian này, L quen anh Quảng Văn H, sinh năm 1990 trú tại Bản B, xã B, huyện T, tỉnh Sơn La và anh Quảng Văn B, sinh năm 1981 trú tại Bản B, xã B, huyện T, tỉnh Sơn La (anh họ B) trong một lần đến nhà B ăn cơm. Qua nói chuyện, biết H đang có nhu cầu xin việc làm và B có nhu cầu làm Giấy phép lái xe mô tô. L tiếp tục đưa ra thông tin, L là Công an công tác ở Công an tỉnh, L lấy giấy chứng minh Công an (giả) mang tên Lương Ngọc Anh cho H, anh B xem (L không cho cầm trực tiếp) và giới thiệu quen biết với nhiều người, có khả năng xin được việc làm và mua bằng lái xe mô tô. L yêu cầu anh H phải đưa trước 10.000.000 đồng để L đặt vấn đề nhờ xin việc; yêu cầu anh B đưa Chứng minh nhân dân kèm theo số tiền 1.200.000 đồng/1 người để làm Giấy phép lái xe mô tô. Tháng 12/2014, anh H đưa cho L 10.000.000 đồng, anh B đưa cho L 09 Chứng minh nhân dân và số tiền 10.000.000 đồng (lần 1 đưa 4.000.000 đồng tại quán nước giải khát của B, lần 2 đưa 6.000.000 đồng tại nhà B) để làm giấy phép lái xe mô tô cho Lò Văn O, Lò Thị Sai, Lò Văn Hoàng, Lò Văn Chum, Lò Thị Doai, Lò Thị Thề, Lò Văn Hùng cùng trú tại xã Bon Phặng, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La và anh Lê Tiến D trú tại Tổ 3, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La (còn 01 trường hợp không rõ địa chỉ, anh B không nhớ trường hợp đã nhận thông qua Lò Thị Thề là ai. Hiện Lò Thị Thề không xác định được đang ở đâu). Các lần giao tiền cho L, anh H và anh B không làm giấy biên nhận và không có người chứng kiến. Số tiền đã nhận, L sử dụng chi tiêu cá nhân. Đến hẹn, anh B, anh H nhiều lần gọi điện yêu cầu L thực hiện theo thỏa thuận, L đều nhất lần, sau đó L ngắt liên lạc. Tháng 3/2015, Bạc Thị B đã chuyển vào tài khoản của anh B 20.000.000 đồng để trả cho anh B 10.000.000 đồng và nhờ anh B trả cho Quảng Văn H 10.000.000 đồng. 09 Giấy chứng minh thư nhân dân, B tìm thấy trong túi xách của L để tại quán nước giải khát của B nên B đã trả lại cho Quảng Văn B.

Cuối tháng 01/2015, sợ người nhà B phát hiện hành vi lừa đảo của mình, L nảy sinh ý định mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA NOUVO, biển kiểm soát 26B1-393.46 của Bạc Thị B đem đi thế chấp để thuê xe ô tô sử dụng nhằm tạo “niềm tin” đối với gia đình B. L hỏi B cho L mượn xe đi có việc, sau đó điều khiển xe mô tô đến cửa hàng của anh Phùng Đức N, trú tại tổ 9, phường Quyết Tâm, thành phố Sơn La, thế chấp chiếc xe mô tô để thuê 01 chiếc xe ô tô 07 chỗ hiệu Zace màu xanh đen. L nhờ một phụ nữ (L không biết tên tuổi, địa chỉ) đi cùng và ký vào hợp đồng thuê xe với tên Bạc Thị B. Sau khi thuê được xe, L điều khiển xe ô tô đến đón Lò Văn S, sinh năm 1990, trú tại bản H, phường T, thành phố Sơn La (bạn của L) đi lên bản Bon, xã Bon Phặng ăn mừng nhà mới. Sau khi ăn cơm xong, B và L đi về quán nước giải khát của B ở đèo Chiềng Pắc nghỉ, còn Smượn L xe ô tô để đến nhà bạn ở xã Chiềng Đen chơi,

khi đi đến địa phận bản Nong, xã Bon Phặng thì xe ô tô bị nổ lốp gây tai nạn. Hậu quả xe ô tô bị hư hỏng nặng. Anh N yêu cầu L và S phải chịu toàn bộ chi phí sửa xe là 120.000.000 đồng. Để có tiền trả tiền sửa xe cho N, L gọi điện cho B nói, hiện L đang thế chấp xe mô tô của B ở quán của anh N nhưng L đang đi công tác không chuộc xe ra được, B cho L mượn 17.000.000 đồng để chuộc xe về. B đã đưa cho S 17.000.000 đồng theo yêu cầu của L. Sau khi nhận tiền từ B, S đã đem trả số tiền trên cho N. Do anh N liên tục đòi tiền sửa chữa ô tô còn thiếu, L gọi điện cho B, yêu cầu B xuống gặp N để ký giấy bán xe, để B tin tưởng, L nói L đã mua cho B 01 chiếc xe mới hiện đang gửi ở nhà bạn. Tin tưởng vào lời nói của L, B đồng ý ký giấy bán chiếc xe mô tô YAMAHA NOUVO cho N với giá 20.000.000 đồng (số tiền này L chuyển sang trả tiền sửa chữa xe ô tô). Tháng 02/2015, biết L có hành vi lừa đảo để chiếm đoạt tiền của mình và những người thân trong gia đình, B tìm gặp L yêu cầu L ký vào 01 Giấy biên nhận với nội dung “L nhận 80.000.000 đồng và 01 chiếc xe mô tô trị giá 40.000.000 đồng để chạy án” (bản gốc B đã làm mất, còn bản phô tô B đã giao nộp cho Cơ quan điều tra). B đã nhiều lần yêu cầu L trả lại tiền nhưng L trốn tránh không trả. Ngày 24/3/2020, Bạc Thị B làm đơn tố giác hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Lương Văn L với Cơ quan điều tra.

Đối với số tiền 17.000.000 đồng Lò Văn Strục tiếp nhận từ Bạc Thị B, quá trình điều tra xác định việc B đưa tiền cho S theo yêu cầu của L. S không thấy chị B đề cập đến mục đích của việc giao cho S số tiền trên. S không biết mục đích của L khi bảo B đưa tiền. S đã dùng số tiền trên trả tiền sửa chiếc xe ô tô bị tai nạn cho ông Phùng Văn N. Do hiểu nhầm về mục đích khi nhận tiền từ B, ngày 27/6/2020, S đã trả lại cho B số tiền 17.000.000 đồng. S và B không có đề nghị đối với số tiền này.

Quá trình điều tra, Lương Văn L khai nhận: Nhằm mục đích sử dụng và tạo sự tin tưởng trong các mối quan hệ, Lương Văn L đã thuê làm 01 Giấy chứng minh Công an nhân dân giả mang tên Lương Ngọc Anh. Thông qua Bạc Thị B, L đã đưa ra các thông tin gian dối để nhận tiền chạy án, xin việc, làm Giấy phép lái xe cho Nguyễn Thị H, Quảng Văn H, Quảng Văn B. Tổng số tiền đã nhận của 03 bị hại là 80.000.000 đồng. Ngoài ra, L còn đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt của Quảng Thị B 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA NOUVO BKS 26B1-393.46 trị giá 24.444.000 đồng. Sau khi biết L có hành vi lừa đảo, B đã sử dụng tiền của gia đình trả cho Nguyễn Thị H 60.000.000 đồng, Quảng Văn H 10.000.000 đồng, Quảng Văn B 10.000.000 đồng. Tổng số tiền Lương Văn L chiếm đoạt của Bạc Thị B là 104.444.000 đồng.

Ngày 26/3/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La Quyết định trưng cầu giám định số 37/QĐ-VPCQCSĐT, giám định 01 thẻ Công an nhân dân mang tên Lương Ngọc Anh. Tại Kết luận giám định số 535 ngày 27/3/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sơn La kết luận: Giấy chứng nhận Công an nhân dân mang tên Lương Ngọc Anh, số hiệu 197-648; cấp ngày 27/11/2010 là giả.

Ngày 27/7/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La có Yêu

cầu định giá tài sản số 1045/YC-VPCQCSĐT đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA NOUVO màu sơn đỏ đen BKS 26B1-393.46 (căn cứ tài liệu là các Bản sao các giấy Đăng ký xe, Hóa đơn giá trị gia tăng, Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng và Giấy nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước) tại thời điểm tháng 01/2015. Tại Kết luận của Hội đồng định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La số 16/KL-HĐĐG ngày 07/8/2020 kết luận: Giá trị xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA NOUVO màu sơn đỏ đen BKS 26B1-393.46 tại thời điểm tháng 01/2015 là 24.444.000 đồng.

Do có hành vi nêu trên, tại bản cáo trạng số 99/VKS ngày 09/9/2020 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La đã truy tố Lương Văn L tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo điểm e khoản 2 Điều 139 và tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức quy định tại điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự 1999.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố đối với Lương Văn L về tội danh và Điều luật áp dụng như cáo trạng đã quy kết và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lương Văn L phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b khoản 2 Điều 267; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm a khoản 1 Điều 50 Bộ luật Hình sự 1999. Xử phạt bị cáo Lương Văn L từ 04 đến 05 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; từ 02 đến 03 năm tù về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức. Tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội buộc bị cáo Lương Văn L phải chấp hành chung từ 06 đến 08 năm tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ điều 42 Bộ luật Hình sự 1999; các Điều 604, 605, 608 Bộ luật Dân sự 2005. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét buộc bị cáo Lương Văn L phải có trách nhiệm hoàn trả và bồi thường số tiền 104.444.000 đồng cho người bị hại Bạc Thị B (bị cáo chưa bồi thường cho bị hại).

Về xử lý vật chứng của vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật;

Về án phí: Buộc bị cáo Lương Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Lương Văn L thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng và luận tội của Viện kiểm sát đã quy kết. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, người bị hại Bạc Thị B yêu cầu bị cáo Lương Văn L phải có trách nhiệm hoàn trả và bồi thường toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được

tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Sơn La, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo và trách nhiệm hình sự:

Xét lời khai nhận tội của bị cáo Lương Văn L tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của những người bị hại, người làm chứng trong vụ án. Lời khai nhận tội của bị cáo về thời gian, địa điểm và diễn biến về hành vi phạm tội là thống nhất, phù hợp với nhau, phù hợp với các chứng cứ khác, thể hiện: Lương Văn L đã có hành vi thuê người khác làm Giấy chứng minh Công an nhân dân giả mang tên Lương Ngọc Anh, công tác Phòng PC45 Công an tỉnh Sơn La có ảnh của L. Sau đó, L sử dụng giấy chứng minh Công an nhân dân giả để tạo niềm tin với người bị hại, đồng thời đưa ra các thông tin gian dối như: L công tác ở Công an tỉnh Sơn La, quen biết với nhiều người nên có khả năng chạy án, xin việc làm và mua giấy phép lái xe cho những người có nhu cầu để chiếm đoạt số tiền 80.000.000 đồng của 03 bị hại (trong đó chiếm đoạt của Nguyễn Thị H 60.000.000 đồng, Quảng Văn H 10.000.000 đồng, Quảng Văn B 10.000.000 đồng). Ngoài ra, L còn đưa ra thông tin gian dối để chiếm đoạt của Bạc Thị B 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA NOUVO BKS 26B1 - 393.46 trị giá 24.444.000 đồng. Sau khi biết L có hành vi lừa đảo, Bạc Thị B đã sử dụng tiền của gia đình trả cho H, H, B số tiền 80.000.000 đồng.

Vì vậy, buộc Lương Văn L phải chịu trách nhiệm hình sự qua các lần thực hiện hành vi phạm tội với tổng số tiền là 104.444.000 đồng.

Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau:

- Đơn trình báo sự việc chị Bạc Thị B về việc bị cáo đã đưa ra những thông tin gian dối, sai sự thật để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản như: Lương Văn L tự giới thiệu bản thân là cán bộ Công an có khả năng xin việc, xin giảm án treo và làm giấy phép lái xe mô tô cho người khác nhưng không giúp được như đã hứa, cũng như chưa hoàn trả bị hại số tiền đã nhận.

- Lời khai nhận tội của của bị cáo thừa nhận đã hứa hẹn với những người bị hại, nhận tiền của họ nhưng sau đó không thực hiện và chưa trả lại số tiền đã chiếm đoạt cho những người bị hại.

- Kết quả điều tra đã thu thập được các tài liệu, chứng cứ về việc trao đổi, giao nhận tiền giữa bị cáo và những người bị hại trong việc hứa hẹn xin việc, xin giảm án và làm giấy phép lái xe mô tô.

- Kết luận giám định số 535 ngày 27/3/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự

Công an tỉnh Sơn La kết luận: *Giấy chứng nhận Công an nhân dân mang tên Lương Ngọc Anh, số hiệu 197-648; cấp ngày 27/11/2010 là giả.*

- Kết luận của Hội đồng định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La số 16/KL-HĐĐG ngày 07/8/2020 kết luận: *Giá trị xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA NOUVO màu sơn đỏ đen BKS 26B1-393.46 tại thời điểm tháng 01/2015 là 24.444.000 đồng.*

Với các căn cứ chứng minh trên, có đủ cơ sở kết luận hành vi nêu trên của Lương Văn L đã phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 139 và Điều 267 Bộ luật Hình sự 1999.

[3] Về tình tiết định khung hình phạt:

Lương Văn L đã có hành vi chiếm đoạt tài sản của 04 người bị hại với tổng giá trị là 104.444.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã vi phạm tình tiết định khung hình phạt “*Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng*” quy định tại điểm e khoản 2 Điều 139 Bộ luật Hình sự 1999, khung hình phạt có mức hình phạt tù từ hai năm đến bảy năm. Đồng thời nhiều lần bị cáo sử dụng Giấy chứng nhận Công an nhân dân giả, tạo lòng tin để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản đã vi phạm tình tiết định khung hình phạt “*Phạm tội nhiều lần*” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 267 Bộ luật Hình sự 1999 có khung hình phạt tù từ hai năm đến năm năm.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo là người có trình độ học vấn, nhận thức rõ về hành vi bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật, nhưng do muốn có tiền để sử dụng cho bản thân mà không bỏ công sức lao động chính đáng nên đã thuê làm giả tài liệu cơ quan, tổ chức và đưa ra những thông tin không có thật để chiếm đoạt tài sản của người khác, không những trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự trị an xã hội, gây dư luận xấu tại địa phương mà còn ảnh hưởng đến danh dự uy tín của cán bộ và cơ quan Nhà nước. Đồng thời, về nhân thân bị cáo đã nhiều lần bị xét xử về các tội phạm xâm phạm quyền sở hữu, tuy nhiên sau khi chấp hành án xong hình phạt, bị cáo không hoàn lương mà vẫn tiếp tục lừa dối các bị hại để thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, đối với bị cáo cần xử phạt mức án nghiêm khắc nhằm cải tạo giáo dục, răn đe phòng ngừa chung.

[5] Nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Nhân thân: Bị cáo có nhân thân xấu.

Ngày 28/9/2012, bị cáo bị Tòa án nhân dân thành phố Sơn La xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Ngày 21/8/2018, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xử phạt 24 tháng tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản quy định tại khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự năm 1999 (chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/03/2020).

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo có 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: “Phạm tội nhiều lần” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

[6] Hình phạt bổ sung:

Theo quy định tại khoản 5 Điều 139 Bộ luật Hình sự 1999: “*Người phạm tội còn có thể phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản...*”; Khoản 4 Điều 267 Bộ luật Hình sự 1999 quy định: “*Người phạm tội còn có thể phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng*”. Xét thấy, bị cáo vừa đi chấp hành án phạt tù về, không có tài sản có giá trị và bị cáo còn phải bồi thường, bồi hoàn số tiền lớn cho người bị hại nên cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ kết quả điều tra, lời khai của bị cáo, lời khai của người bị hại tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa đã đủ căn cứ xác định bị cáo Lương Văn L đã chiếm đoạt của 04 người bị hại số tiền là 104.444.000 đồng, sau khi bị tố giác bị cáo chưa trả tiền để khắc phục hậu quả cho người bị hại.

Sau khi biết bị cáo có hành vi lừa đảo, người bị hại Bạc Thị B đã sử dụng tiền của gia đình trả cho Nguyễn Thị H 60.000.000 đồng, Quảng Văn H 10.000.000 đồng, Quảng Văn B 10.000.000 đồng. Người bị hại yêu cầu bị cáo phải hoàn trả toàn bộ số tiền mà bị cáo đã chiếm đoạt. Xét yêu cầu của người bị hại là có căn cứ, buộc bị cáo phải có trách nhiệm hoàn trả cho người bị hại Bạc Thị B tổng số tiền là 104.444.000 đồng (bao gồm 80.000.000 đồng chị Bạc Thị B đã đứng ra trả cho H, H, B và 24.444.000 đồng giá trị tài sản của 01 chiếc xe mô tô bị cáo đã chiếm đoạt của chị B).

[8] Về án phí: Bị cáo Lương Văn L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với khoản tiền bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường cho người bị hại theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 139; điểm b khoản 2 Điều 267; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; điểm a khoản 1 Điều 50 Bộ luật Hình sự 1999:

Tuyên bố bị cáo Lương Văn L phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản và tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Xử phạt bị cáo Lương Văn L 04 (bốn) năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; 02 (hai) năm tù về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Lương Văn L phải chấp hành chung là 06 (sáu)

năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (ngày 31/3/2020).

2. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

3. Trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 42 Bộ luật Hình sự 1999; Các Điều 604, 605, 608 Bộ luật Dân sự 2005.

Buộc bị cáo Lương Văn L phải hoàn trả tổng số tiền đã chiếm đoạt cho người bị hại Bạc Thị B là 104.444.000 đồng.

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015”.

4. Án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và khoản 1, khoản 3 Điều 21, điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo Lương Văn L phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 5.222.200đ (*Năm triệu hai trăm hai mươi hai nghìn hai trăm đồng*) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tổng cộng Lương Văn L phải nộp là 5.422.200đ (*Năm triệu bốn trăm hai mươi hai nghìn hai trăm đồng*).

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo; Người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 23 tháng 9 năm 2020). Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc ngày niêm yết Bản án./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La;
- Công an tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Sơn La;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Sơn La;
- Bị cáo; bị hại;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tuấn Minh

